

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33 /2026/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 30 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí thôn, xóm, bản nông thôn mới
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 của Quốc hội phê duyệt chủ trương
đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn,
dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính
phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 50/2026/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 của UBND tỉnh
Quy định áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và ban hành tiêu chí
xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình
số 14196/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 10 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định ban hành Bộ tiêu chí
thôn, xóm, bản nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này ban hành Bộ tiêu chí thôn, xóm, bản nông thôn mới giai
đoạn 2026 - 2030 thực hiện tại các thôn, xóm, bản thuộc địa bàn các xã khu vực
III (ngoài các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030) trên địa
bàn tỉnh Nghệ An (chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo).

2. Đối tượng áp dụng:

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; UBND
các xã khu vực III (chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo) và các cơ quan, tổ chức có
liên quan trong quá trình triển khai thực hiện nội dung quy định tại khoản 1 điều
này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, ban hành hướng dẫn thực hiện đối
với các nội dung tiêu chí thuộc tiêu chí thôn, xóm, bản nông thôn mới giai đoạn
2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban
hành quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan đơn đốc UBND các xã triển khai thực hiện xây dựng thôn, xóm, bản nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và UBND các xã nghiên cứu, rà soát, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung các nội dung tiêu chí thôn, xóm, bản nông thôn mới nêu trên khi phát sinh các vấn đề cần điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế;

c) Xây dựng văn bản trình UBND tỉnh ban hành hướng dẫn quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn.

3. UBND các xã:

a) Căn cứ quy định các nội dung tiêu chí thôn, xóm, bản nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An và hướng dẫn của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh liên quan, chủ động rà soát đánh giá mức độ đạt được đối với các tiêu chí, chỉ tiêu của từng thôn, xóm, bản trên địa bàn xã; Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp theo lộ trình được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và điều kiện thực tế của địa phương;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn các thôn, xóm, bản trên địa bàn tổ chức thực hiện tiêu chí thôn, xóm, bản nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 đảm bảo đúng quy định. Tổ chức thẩm định, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn xã;

c) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã khu vực III và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *My*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành PL (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- UBND các xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN (M). *78*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh

Phụ lục 01:
BỘ TIÊU CHÍ THÔN, XÓM, BẢN NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN
(Kèm theo Quyết định số 13 /2026/QĐ-UBND ngày 30 /10 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với thôn, xóm, bản trên địa bàn các xã khu vực III	Đơn vị phụ trách thực hiện
1	Hạ tầng kinh tế - xã hội	1.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn thôn đảm bảo kết nối và được bảo trì hằng năm; tỷ lệ đường thôn đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường thôn được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa đạt $\geq 60\%$.	Đạt	Sở Xây dựng
		1.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	Sở Công Thương
		1.3. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Phát triển kinh tế nông thôn	2.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	$\geq 9,5\%$	Thống Kê tỉnh
		2.2. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trên địa bàn thôn, xóm, bản được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	- Có sự tăng trưởng về quy mô lượng khách du lịch hằng năm (trong 02 năm trước liền kề năm đánh giá);	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với thôn, xóm, bản trên địa bàn các xã khu vực III	Đơn vị phụ trách thực hiện
			-100% điểm du lịch nông thôn trong quy hoạch trên địa bàn thôn, xóm, bản được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP. Trong đó có ít nhất 01 điểm du lịch đặc trưng, thể hiện bản sắc độc đáo của thôn, xóm, bản được công nhận sản phẩm OCOP;	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 40\%$	Hội Nông dân tỉnh
		2.4. Có làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp (nếu có) được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥ 01	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	3.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	$\geq 27\%$	Sở Giáo dục và Đào tạo
		3.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	$\geq 40\%$	
4		4.1. Nhà văn hoá - Khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định; Được lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em; Có quy chế hoạt động, quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả.	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		4.2. Có mô hình thư viện cộng đồng hoặc thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 93/2020/NĐ-CP	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với thôn, xóm, bản trên địa bàn các xã khu vực III	Đơn vị phụ trách thực hiện
	Văn hóa, Giáo dục	4.3. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đáp ứng nhu cầu tham gia sinh hoạt, sáng tạo các giá trị văn hóa của người dân. Có ít nhất 01 đội hoặc câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể được cấp có thẩm quyền công nhận, hoạt động thường xuyên, có chất lượng.	Đạt	
		4.4. Thôn đạt danh hiệu văn hóa theo quy định; hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo quy định pháp luật, có nội dung bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, giáo dục đạo đức, lối sống, thực hành các hệ giá trị văn hóa	Đạt	
		4.5. Tỷ lệ người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương	≥80%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		4.6. Tỷ lệ học sinh hoàn thành trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông và các trình độ khác.	≥80%	
5	Giảm nghèo và An sinh xã hội	5.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤13%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.2 Không có nhà tạm, nhà dột nát	Đạt	Sở Xây dựng
		5.3. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥75%	
		5.4. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥40%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.5. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an ¹ ”	Đạt	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
		5.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Sở Nội vụ

¹ 5 không: không nghèo – không bạo lực – không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội – không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học – không lãng phí, 3 sạch: sạch nhà – sạch bếp – sạch ngõ, 3 an: an toàn – an tâm – an sinh.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với thôn, xóm, bản trên địa bàn các xã khu vực III	Đơn vị phụ trách thực hiện
		5.7. Thôn, xóm, bản có nhân viên y tế, cộng tác viên dân số (cộng tác viên dân số có thể do nhân viên y tế kiêm nhiệm) được đào tạo hoạt động; đối với thôn, xóm, bản thuộc xã vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số có cô đỡ thôn bản được đào tạo	Đạt	Sở Y tế
		5.8. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Có 100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn thôn, xóm, bản tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Môi trường và cảnh quan nông thôn	6.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	$\geq 90\%$	
		6.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ² , làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	
		6.4. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn.	Đạt	

² Bao gồm cả cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông lâm thủy sản.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đối với thôn, xóm, bản trên địa bàn các xã khu vực III	Đơn vị phụ trách thực hiện
7	Hệ thống chính trị và An ninh, Quốc phòng	7.1. Chi bộ thôn được đánh giá, xếp loại “hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.	Đạt	Sở Nội vụ
		7.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, xóm, bản phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Công an tỉnh
		7.3. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

Phụ lục 02:

**DANH SÁCH CÁC XÃ KHU VỰC III ÁP DỤNG BỘ TIÊU CHÍ THÔN,
XÓM, BẢN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH NGHỆ AN**

(Kèm theo Quyết định số: ~~73~~ /2026/QĐ-UBND ngày ~~30~~ /10/2026 của UBND tỉnh
Nghệ An)

TT	Tên xã	Ghi chú
1	Xã Thành Bình Thọ	
2	Xã Môn Sơn	
3	Xã Mậu Thạch	
4	Xã Cam Phục	
5	Xã Châu Khê	
6	Xã Bình Chuẩn	
7	Xã Mường Xén	
8	Xã Hữu Kiệm	
9	Xã Chiêu Lưu	
10	Xã Na Loi	
11	Xã Mường Típ	
12	Xã Na Ngòi	
13	Xã Mỹ Lý	
14	Xã Bắc Lý	
15	Xã Keng Đu	
16	Xã Huồi Tụ	
17	Xã Mường Lống	
18	Xã Tiên Phong	
19	Xã Tri Lễ	
20	Xã Mường Quàng	
21	Xã Thông Thụ	
22	Xã Quý Châu	
23	Xã Châu Tiến	
24	Xã Hùng Chân	
25	Xã Châu Bình	
26	Xã Quý Hợp	
27	Xã Tam Hợp	
28	Xã Châu Lộc	
29	Xã Châu Hồng	
30	Xã Mường Ham	
31	Xã Mường Chộng	
32	Xã Minh Hợp	
33	Xã Tiên Đông	

34	Xã Sơn Lâm	
35	Xã Lượng Minh	
36	Xã Yên Na	
37	Xã Yên Hòa	
38	Xã Nga My	
39	Xã Hữu Khuông	
40	Xã Nhân Mai	
41	Xã Tam Quang	
42	Xã Tam Thái	
43	Xã Tương Dương	

My

